TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*** *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2024/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-10-2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Ngọc G tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X vào ngày 04/7/2011. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Sau khi kết hôn bà và ông G chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong chuyện kinh tế gia đình, ông G không chia sẽ những khó khăn, áp lực trong cuộc sống với bà H. Hiện nay, bà H và ông G không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông G không còn nên bà xin ly hôn với ông G.

Về nuôi con chung: Bà và ông Giàu C 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/02/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/11/2015. Bà H yêu cầu nuôi dưỡng cháu M và đồng ý để ông G nuôi cháu L, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Toà và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà H chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X. Hôn nhân giữa ông và bà H là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì ông và bà H chung sống tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cùng với cha mẹ của bà H. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 4/2024, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà H đi làm với người đàn ông khác gì, làm cùng và ở cùng người đàn ông này, thậm chí bà H còn vay tiền cho người này làm ăn, bản thân ông G không muốn bà H làm chung với người đàn ông này nhưng bà H vẫn không nghe lời ông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay ông và bà H không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì bản thân ông muốn cùng bà H cùng nhau nuôi dạy con cái, vì nếu ly hôn thì tâm lý con cái sẽ bị ảnh hưởng.

Về nuôi con chung: Ông G và bà H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/02/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/11/2015. Nếu trường hợp Toà án cho bà H ly hôn thì ông G yêu cầu nuôi dưỡng cháu L và đồng ý để bà H nuôi cháu M, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung tên M, đồng ý để ông G nuôi cháu L. Ông G không đồng ý ly hôn với bà H và đồng ý về việc nuôi con của bà H. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Ngọc G nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn ông Giàu có địa chỉ cư trú tại huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của kiểm sát viên tại phiên toà: Ngày 20/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc có Công văn số 28/CV-VKS về việc không tham gia phiên toà do vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc không tham gia phiên toà là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà H và ông G đăng ký hôn vào ngày 04/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo bà H vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông G không chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống với bà H, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, thấu hiểu nhau. Còn theo ông G vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bà H đi làm ăn chung với người đàn ông khác, không chịu về nhà. Bản thân ông G đã nhiều lần nói chuyện và yêu cầu bà H không được làm với người đàn ông này nhưng bà H không đồng ý nên vợ chồng thường lời qua tiếng lại, không còn sự thấu hiểu nhau.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân bắt nguồn từ tình cảm tự nguyện của hai bên và bền chặt được cũng dựa trên sự tồn tại của cảm xúc, tình cảm tự nguyện từ hai phía, một trong hai bên dù có quyết tâm, tình cảm đến đâu mà phía còn lại không còn, không tự nguyện đều không đạt được mục đích của hôn nhân là sự chia sẽ, cảm thông, hòa hợp và hạnh phúc. Bà H và ông G đưa ra nhiều nội dung không thống nhất về nguyên nhân, lý do vợ chồng mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng mâu thuẫn là có thật. Tại Tòa, bà H khẳng định không còn tình cảm với ông G và cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông G là có thật, theo chiều

hướng kéo dài và trầm trọng, ông, bà không chung sống cùng nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông G.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà H và ông G khẳng định có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/02/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/11/2015. Nếu ly hôn bà H yêu cầu nuôi cháu M và đồng ý để ông G nuôi cháu L, không ai cấp dưỡng nuôi con, ông G cũng đồng ý nuôi cháu L và để bà H nuôi cháu M, không ai cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao con chung Nguyễn Ngọc Trà M cho bà H nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh L cho ông G nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản:* Bà H và ông G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Dương Thị H ly hôn ông Nguyễn Ngọc G.

2. Về nuôi con chung: Bà Dương Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 14/02/2012; Ông Nguyễn Ngọc G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh L, sinh ngày 17/11/2015. Bà H và ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Bà H và ông G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005139 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA